

GIẢI BÀI TẬP SGK TIẾNG ANH LỚP 11 THEO UNIT

UNIT 2: PERSONAL EXPERIENCES

A. Reading trang 22 23 24 SGK tiếng Anh 11 Unit 2

Before you read

Work in pairs. Look at the pictures below and guess what is happening in the each of them. (Làm việc theo cặp. Nhìn vào các hình dưới đây và đoán những gì đang xảy ra ở mỗi hình.)

Picture a: A man is pointing at a bank-note, saying something.

Picture b: A man is giving a girl some money to buy a hat.

Picture c: A girl is holding a bank-note, thinking about something.

Picture d: A girl is watching T.V, on which a woman is wearing the hat she likes.

Picture e: A girl is at the hatter's buying a hat.

Picture f: A girl is stealing something in boy's bag.

While you read

Read the stop, and then do the tasks that follow. (Đọc câu chuyện và sau đó làm bài tập sau.)

Điều đáng xấu hổ nhất của tôi

Điều đáng xấu hổ nhất của tôi đã xảy ra cách đây vài năm, khi tôi còn là một học sinh lớp 9. Trong những ngày đó, ước mơ lớn nhất của tôi là có được một chiếc mũ màu đỏ, một chiếc mũ bằng bông mềm như một trong những ngôi sao nhạc pop, Thần tượng của tôi đội trong video clip của cô ấy. Tôi nghĩ rằng tôi sẽ cảm thấy rất tuyệt khi đội nó.

Cha tôi biết điều này, vì vậy vào ngày sinh nhật của tôi, ông đã cho tôi một số tiền để tôi có thể mua chiếc mũ cho chính mình. Tôi rất vui mừng và quyết định đi đến cửa hàng ngay lúc ấy. Tôi đã lên xe buýt và ngồi xuống bên cạnh một cậu học sinh cùng độ tuổi với tôi. Cậu bé liếc nhìn tôi và quay đi. Cậu ấy nhìn tôi một cách lén lút, nhưng tôi không nghĩ nhiều về điều đó. Tôi đang bận tưởng tượng tôi sẽ như thế nào khi tôi đội chiếc mũ đỏ. Sau một lúc, tôi quay lại và nhìn thấy chiếc cặp của cậu bé đã được mở. Bên trong đó, tôi thấy một tờ tiền 5 đô la giống như tờ tiền mà cha tôi đã trao cho tôi. Tôi nhanh chóng nhìn vào những tờ ghi chú trong túi của tôi nhưng chúng đã biến mất. Tôi chắc chắn rằng cậu bé là một tên trộm. Cậu ấy đã lấy trộm tiền của tôi. Tôi không muốn làm ồn ào lên, vì vậy tôi quyết định chỉ lấy tiền của tôi trở lại từ túi của cậu ấy mà không nói một lời nào về nó. Nên tôi cẩn thận đặt tay vào túi của cậu ấy, lấy lại tờ tiền và đặt nó trở lại vào trong túi của riêng tôi.

Với số tiền tôi đã mua chiếc mũ xinh đẹp như mơ của tôi. Khi về nhà tôi đã khoe với cha tôi.

Cha tôi hỏi: "Làm thế nào con trả tiền cho chiếc mũ đó?"

Tôi trả lời: "Thưa cha, tất nhiên là với số tiền cha đã cho nhân ngày sinh nhật của con". Ông chỉ vào tờ tiền 5 đô la trên bàn và hỏi: "Ồ? Kia là cái gì?" Bạn có thể tưởng tượng tôi cảm thấy thế nào sau đó không?

Task 1. The words/ phrases in the box all appear in the passage. Use them to fill in the blanks in the sentences (Tất cả các từ/ cụm từ trong khung xuất hiện ở đoạn văn. Dùng chúng để điền vào chỗ trống ở các câu.)

making a fuss sneaky glanced embarrassing idols

1. glanced 2. making a fuss 3. embarrassing 4. idols 5. sneaky

Task 2. Work in pairs. Put the pictures of the events (on page 22) in the order they happened in the story. (Làm việc theo cặp. Đặt những tranh của sự kiện (ở trang 22) theo đúng thứ tự chúng xuất hiện trong câu chuyện.)

Picture 1 - d Picture 2 - b Picture 3 - f

Picture 4-e Picture 5 - a Picture 6-c

Task 3. Answer the questions. (Trả lời các câu hỏi.)

1. What did she wish to have when she was in grade 9? (Cô gái ước muốn có thứ gì khi cô ấy học lớp 9?)

- A red floppy cotton hat.

2. Who gave her money on her birthday? (Ai đã đưa cô ấy tiền vào hôm sinh nhật)

- So that she could buy the hat for herself/ to buy the hat for herself.

3. Why did she decide to take the money from the boy's bag? (Tại sao bố cô ấy cho cô ấy tiền vào ngày sinh nhật của cô?)

- A wad of dollar notes exactly like the ones her father had given her before.

4. What did she do with the money? (Cô ấy đã làm gì với số tiền đó?)

- Because she didn't like to make a fuss.

5. What did she discover when she came back home? (Cô ấy đã phát hiện gì khi cô ấy quay trở lại nhà?)

- She bought her hat with it.

After you read

Discussion the question: What do you think the girl had to do after she discovered that the money she had taken from the boy's bag was not hers? (Làm việc theo nhóm. Thảo luận những câu hỏi. Em nghĩ cô gái phải làm gì sau khi cô khám phá ra tiền cô lấy ở cặp của cậu bé không phải là tiền của cô.)

*** Suggestions**

- She might feel embarrassed because that was not her money

- Perhaps the girl could place a notice on a local newspaper to apologize the boy and contact him to give the money back.

- Perhaps the girl might want to tell her father the truth and ask him for help.

*** Suggestions**

- Perhaps she could come to the police station, tell the police the truth and ask them for help.

- Maybe the girl could get on the same bus next day and look for the boy to return him the money.

B. Speaking trang 25 26 SGK tiếng Anh 11 Unit 2

Task 1. Work in pairs. Match the things you might have done or experienced in box A with how the experience might have affected you in box B. (Làm việc theo cặp. Ghép những điều em có thể đã làm hoặc trải qua ở khung A và điều trải qua đó ảnh hưởng đến em như thế nào ở khung B.)

1 - d 2-c 3-a 4-b 5-e

Task 2. Work in pairs. A student talks to her friend about one of her past experiences. And how it affected her. The lines in their conversation are jumbled. Put them in the correct order, then practice the dialogue. (Làm việc theo cặp. Một học sinh đang nói chuyện với bạn của cô ấy về một trong những điều trải qua của mình trong quá khứ và nó ảnh hưởng đến cô như thế nào. Những câu trong cuộc đối thoại của họ đã bị đảo lộn. Đặt chúng lại đúng thứ tự, sau đó thực hành bài đối thoại.)

1. b: Have you ever spoken English to a native speaker?
2. d: Yes, I talked to an English girl last summer.
3. h: How did you meet her?
4. a: I was walking along Trang Tien Street when an English girl came up to me and asked me the way to Hoan Kiem Lake. I told her, then we started talking about the lake.
5. e: What did you talk about?

6. g: Even thing about the lake: its name, the great turtles in it, etc.

7. c: How did the experience affect you?

8. f: We'll, it made me more interested in learning English.

Hướng dẫn dịch

b) Bạn đã từng nói tiếng Anh với người bản địa chưa?

d) Rồi. Mình đã nói chuyện với một cô gái người Anh mùa hè vừa rồi.

h) Làm thế nào bạn lại gặp cô ấy?

a) Mình đang đi dọc theo đường Tràng Tiền thì một cô gái người Anh tiến về phía mình và hỏi mình đường đến Hồ Hoàn Kiếm. Mình chỉ cho cô ấy, sau đó chúng mình đã bắt đầu nói chuyện về Hồ Hoàn Kiếm.

e) Bạn đã nói về những gì?

g) Mọi thứ về Hồ, tên Hồ, Cù rùa, ...

c) Điều này ảnh hưởng đến bạn như thế nào?

f) À, nó làm mình thấy thích thú hơn trong việc học tiếng Anh.

Task 3. Work in pairs. Underline the structures used to talk about past experiences in the dialogue in Task 2. then use the structures and the ideas in Task 1 to make similar dialogues. (Làm việc theo cặp. Gạch dưới những cấu trúc được dùng nói về những điều trải qua trong quá khứ ở bài đối thoại 2, sau đó

dùng những cấu trúc này và những ý tưởng ở bài đối thoại 1 để thực hiện bài đối thoại tương tự)

a.

A: So, how was your weekend?

B: Oh, really good. I happened to see Cam Ly.

A: The famous singer?

B: That's right. Have you ever met her?

A: Yes, I have. In one of her show in Ho Chi Minh City last years. She is very charming.

B: Yes. She sings beautifully, too.

A: Have you ever been to Ho Chi Minh City?

B: No, I've never been there.

A: You should go there sometime. It's an interesting city and the hotels are wonderful.

b.

A: Have you ever been seriously ill?

B: Yes. and I had to be away from home for nearly to weeks.

A: How did you become so ill?

C. Listening trang 27 28 SGK tiếng Anh 11 Unit 2

Before you listen

Work in groups. Look at the picture and say what is happening in it. (Làm việc theo nhóm. Nhìn hình và nói điều gì đã xảy ra ở đây.)

In the picture, we see:

- a house is on fire.
- The fire brigade is fighting to put out the fire:
- And people are running away with the firemen's help.

Task 1. Christina is being interviewed about the most unforgettable experience in her life. Listen to the interview, and then decide whether the statements are true (T) or false (F). Christina đang được phỏng vấn về một điều đã trải qua không thể quên trong cuộc đời của cô ấy. Nghe bài phỏng vấn và sau đó quyết định những câu nói đúng (T) hay sai (F).

1. T
2. F (13 years ago)
3. F (not because of the flight because of the gas stove)
4. F (not reading a book, sleeping)
5. T (her mother came and rescued her)

Task 2. Listen to the second part of the dialogue and fill in the gaps in the summary of Christina's story, below (Nghe phần hai của bài đối thoại và điền những chỗ trống của bài tóm tắt câu chuyện của Christina dưới đây.)

1. small 2. Everything 3. family

4. replaced 5. Took 6. love

After you listen

Christina says that family is more important than things. Do you agree with her? Why? Exchange your ideas with a partner. (Christina nói rằng gia đình quan trọng hơn đồ vật. Bạn đồng ý với cô ấy không ? Tại sao? Trao đổi với một bạn học của bạn.)

Suggestion:

I agree with her because family is important. You can get back things you've lost, but when you lose your family, you lose everything...

D. Writing trang 28 SGK tiếng Anh 11 Unit 2

Writing a personal letter about a past experience. (Viết một lá thư cá nhân về một điều trải qua trong quá khứ.)

Dear Huong.

Last night I had a scary dream. I was walking along an empty street late at night. Suddenly a lion appeared at the end of the street. He ran toward me with his big mouth open and sharp teeth. He

roared and jumped upon me. I screamed loudly and awoke. I'm still frightened now. By the way, how have similar problems now. Write to me as soon as possible.

E. Language focus trang 29 30 31 SGK tiếng Anh 11 Unit 2

Exercise 1. Use the correct present tense forms of the verbs in brackets in the story below. The first one has been done for you as an example.

1. invites 4. Waves 7. Contains 10. Is shining
2. sets 5. promises 8. has baked 11. Are singing
3. gets 6. Carries 9. Is 12. is

Exercise 2. Complete the sentences by putting the verbs into the past simple or past progressive.

1. broke/ was playing
2. wrote/ was
3. was working/ broke
4. started/ were walk in a
5. told/ were having
6. didn't listen/ was thinking
7. phoned/didn't answer/ were... doing

8. was not wearing/ didn't notice/ was driving

Exercise 3. Write the sentences, putting the verbs in each sentence into the past simple or the past perfect.

1. had been/ arrived

2. found/ had taken

3. got/ had closed

4. got/ had left

5. got/ had arrived

6. paid/ had phoned

7. went/ said/ hadn't arrived

8. had looked/ asked/ cost

Mời bạn đọc tham khảo thêm tài liệu Tiếng Anh [lớp 11](#) tại đây:

Bài tập Tiếng Anh lớp 11 theo từng Unit: <https://vndoc.com/tieng-anh-lop-11>

Bài tập Tiếng Anh lớp 11 nâng cao: <https://vndoc.com/tieng-anh-pho-thong-lop-11>

Bài tập trắc nghiệm trực tuyến Tiếng Anh lớp 11: <https://vndoc.com/test/mon-tieng-anh-lop-11>